TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/DS-PT
Ngày: 14-6-2022
"V/v tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi.

Ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLPT-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2022, về việc "*Tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất*";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2021/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 190/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 240/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1942;

1.2. Bà Đinh Thị C1, sinh năm 1944.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 là anh Trần Đình H1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số B đường N, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2021).

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn N1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh P1. Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng H4. Chức vụ: Phó trưởng phòng thẩm tra và xác minh đơn Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài Nguyên và M tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Số E, Quốc lộ G, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 (Là các nguyên đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R, bà Đinh Thị C1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn P5, sinh năm 1909, chết năm 1995 và bà Huỳnh Thị T5 (không rõ năm sinh), chết năm 1975 (cha, mẹ ông R, bà C1) để lại cho ông R và bà C1. Sau khi cụ P5 và cụ T5 chết, ông R và bà C1 thừa kế nhiều thửa đất, trong đó có phần đất tiếp giáp kênh Thanh Cát.

Khoảng năm 1986, khi Nhà nước thực hiện chính sách đất đai nên đã thu hồi và cấp lại cho bà N9 (con cụ P5 và cụ T5). Năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01310/QSDD/A4, cấp ngày 12/12/1997 gồm: Thửa số 686, diện tích 400m^2 và thửa số 567, diện tích 4.575m^2, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, do bà Nguyễn Thị N9 đứng tên. Phần đất bà N9 sử dụng và được cấp giấy là phần đất lúa không tiếp giáp đến kênh Thanh Cát.

Phần đất tiếp giáp đến kênh Thanh Cát ngang khoảng 08m, dài 121m, cụ P5 và cụ T5 sử dụng vào việc trồng rẫy, tre, gáo, bạch đàn, cồng … Vào năm 2012, bà Nguyễn Thị N9 chết, anh N1 làm thủ tục thừa kế tài sản của bà N9 để lại, anh N1 đã lấn chiếm toàn bộ phần đất tiếp giáp với kênh Thanh Cát. Năm 2013, anh N1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BM 324183, thửa số 567, diện tích 4.575m^2, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng là đất chuyên trồng lúa nước, cấp ngày 18/01/2013, do anh

Lâm Văn N1 đứng tên. Đến năm 2017, anh N1 được Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CH 439195, thửa số 205, diện tích 4.771,9m^2, tờ bản đồ số 47, mục đích sử dụng là đất chuyên trồng lúa nước, cấp ngày 18/12/2017, do anh Lâm Văn N1 đứng tên.

Hiện nay, anh Lâm Văn N1 lấn chiếm toàn bộ phần đất nêu trên để trồng ớt, bắp … Ông R, bà C1 đã nhiều lần yêu cầu anh N1 trả lại diện tích nêu trên nH4 anh N1 không đồng ý.

Việc anh N1 lấn chiếm đất, ông R, bà C1 có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tân Long giải quyết nH4 không thành.

Ông R, bà C1 thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2021, Biên bản định giá tài sản ngày 06/7/2021, Sơ đồ đo đạc ngày 02/6/2021 và Phụ lục Sơ đồ đo đạc ngày 30/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B.

Nay, ông Nguyễn Văn R, bà Đinh Thị C1 yêu cầu cụ thể:

- Yêu cầu anh Lâm Văn N1 trả cho ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 diện tích 536,3m^2, thuộc một phần thửa số 205, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại ấp Tân Hội, xã Tân Long, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M8, M9, M10, M11, M12, M13 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 02/6/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B.

- Yêu cầu thu hồi điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CH 439195, đối với diện tích 536,3m^2, thuộc một phần thửa số 205, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/12/2017, do anh Lâm Văn N1 đứng tên để cấp lại cho ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1.

- Bị đơn anh Lâm Văn N1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn P5 và bà Huỳnh Thị T5 (ông, bà ngoại anh N1). Khoảng năm 1986, Nhà nước thu hồi và cấp cho mẹ anh N1 là bà Nguyễn Thị N9. Bà N9 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01310/QSDD/A4, cấp ngày 12/12/1997 gồm: Thửa số 686, diện tích 400m^2 và thửa số 567, diện tích 4.575 m^2, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Tân Hội, xã Tân Long, huyện T.

Năm 2012, bà Nguyễn Thị N9 chết, anh N1 làm thủ tục thừa kế tài sản của

bà N9 để lại. Năm 2013, anh N1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BM 324183, thửa số 567, diện tích 4.575m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất chuyên trồng lúa nước, cấp ngày 18/01/2013, do anh Lâm Văn N1 đứng tên. Đến năm 2017, anh N1 được Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CH 439195, thửa số 205, diện tích 4.771,9m^2, tờ bản đồ số 47, loại đất chuyên trồng lúa nước, cấp ngày 18/12/2017, do anh Lâm Văn N1 đứng tên. Phần đất bà N9 quản lý, sử dụng trên thực tế là đến kênh Thanh Cát và theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến kênh Thanh Cát.

Vì vậy, anh Lâm Văn N1 không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1.

Anh N1 thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2021, Biên bản định giá tài sản ngày 06/7/2021, Sơ đồ đo đạc ngày 02/6/2021 và Phụ lục Sơ đồ đo đạc ngày 30/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Ngày 18/01/2013, anh Lâm Văn N1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 567, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.575m^2, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân Long, huyện T.

Ngày 14/3/2017, anh Lâm Văn N1 thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hệ thống bản đồ 299 sang bản đồ địa chính chính quy (theo đường tập trung) tại thửa số 567, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.575m^2, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước thành thửa đất số 205, tờ bản đồ số 47, diện tích 4.771,9m^2, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân Long, huyện T. Ngày 18/12/2017, anh Lâm Văn N1 được Sở Tài nguyên và M tỉnh ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất nêu trên.

Việc Sở Tài nguyên và M ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho anh Lâm Văn N1 dựa trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho anh Lâm Văn N1 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, Sở Tài nguyên và M đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2021/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993;

Điều 50, khoản 5 Điều 113 Luật đất đai năm 2003;

Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Điều 733 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1.

Anh Lâm Văn N1 được tiếp tục sử dụng thửa số 205, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, được Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cấp ngày 18/12/2017, do anh Lâm Văn N1 đứng tên.

Anh Lâm Văn N1 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục kê khai, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần chênh lệch theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2021, Biên bản định giá tài sản ngày 06/7/2021, Sơ đồ đo đạc ngày 02/6/2021 và Phụ lục Sơ đồ đo đạc ngày 30/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B).

Về án phí: Ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chí phí tố tụng: Ông R, bà C1 pH1 chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản gồm: Chi phí xem xét thẩm định ngày 14/5/2021 và định giá tài sản ngày 06/7/2021 là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), chi phí Hợp đồng đo

đạc số: 07/2021/HĐ-ĐĐ ngày 12/3/2021 là 2.290.000 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), tổng cộng là 3.290.000 đồng (Ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) do ông R, bà C1 nộp tạm ứng và chi xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 12 năm 2021, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Lâm Văn N1 đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 70/2021/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 là anh Trần Đình H1, anh Lâm Văn N1 có mặt tại phiên tòa. Riêng Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nH4 vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo nội dung kháng cáo thì ông Nguyễn Văn R, bà Đinh Thị C1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc anh Lâm Văn N1 trả cho ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 diện tích 536,3m^2, thuộc một phần thửa số 205, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M8, M9, M10, M11, M12, M13 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 02/6/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B; Yêu cầu thu hồi điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CH 439195, đối với diện tích 536,3m^2, thuộc một phần thửa số 205, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/12/2017, do anh Lâm Văn N1 đứng tên để cấp lại cho ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày yêu cầu của ông R, bà C1 là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm thì ông R, bà C1 không có tài liệu chứng cứ pháp lý gì để chứng minh diện tích 536,3m^2 đang tranh chấp trên là của ông R, bà C1 mà diện tích 536,3m^2 là của bà Nguyễn Thị N9 (mẹ anh N1) canh tác sử dụng nằm chung trong thửa 567, tờ bản đồ số 03 từ năm 1986, đến năm 1997 thì bà N9 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2012 bà N9 chết thì anh N1 tiếp sử dụng thửa đất 567 trên (trong đó có diện tích 536,3m^2 đang tranh chấp), đến năm 2013 anh N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 567 trên (trong đó có diện tích 536,3m^2 đang tranh chấp) và đến năm 2017 anh N1 thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hệ thống bản đồ 299 sang bản đồ chính quy từ thửa đất số 567, bản đồ số 03 sang thửa đất số 205, tờ bản đồ số 47. Như vậy, có đủ cơ sở xác định thửa đất số 567, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 205, tờ bản đồ số 47), trong đó có có diện tích 536,3m^2 đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà N9, anh N1 sử dụng ổn định từ năm 1986 đến nay và qua quá trình sử dụng thì gia đình bà N9, anh N1 đăng ký và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần mà bên phía ông R, bà C1 cũng như người khác không có ai tranh chấp gì, điều đó cho thấy thửa đất số 205 trên (trong đó có diện tích 536,3m^2 đang tranh chấp) là của gia

đình anh N1 là hoàn toàn đúng sự thật. Do đó, việc ông R, bà C1 yêu cầu anh N1 trả cho ông R, bà C1 diện tích 536,3m^2 trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 70/2021/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông R, bà C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Do phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên cho ông N1 được sử dụng toàn bộ thửa đất số 205 là tuyên vượt quá yêu cầu khởi kiện, vì ông R, bà C1 chỉ khởi kiện tranh chấp có diện tích 536,3m^2 thuộc một phần của thửa 205, do đó Hội đồng xét xử cần phải sửa lại cách tuyên án cho đúng theo quy định của pháp luật là chỉ công nhận cho ông N1 được quyền sử dụng diện tích 536,3m^2 đang tranh chấp trên.

[7] Về án phí: Ông R, bà C1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

[8] Các phần khác tại phần quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 99, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2021/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng tháp.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1.

4. Công nhận cho anh Lâm Văn N1 được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 536,3m^2, thuộc một phần thửa số 205, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M8, M9, M10, M11, M12, M13 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 02/6/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B, được Sở Tài nguyên và M tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cấp ngày 18/12/2017, do anh Lâm Văn N1 đứng tên.

5. Anh Lâm Văn N1 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục kê khai, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần chênh lệch theo quy định của pháp luật.

Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2021, Biên bản định giá tài sản ngày 06/7/2021, Sơ đồ đo đạc ngày 02/6/2021 và Phụ lục Sơ đồ đo đạc ngày 30/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B.

6. Về án phí: Ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị C1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tổng cộng là 3.290.000 đồng (ông R, bà C1 nộp tạm ứng và chi xong).

8. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao